

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2022/HNGĐ-PT
Ngày 12 - 4 - 2022
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Kim Oanh

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Thanh

Bà Nguyễn Thị T4 Hằng

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hằng – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp: Bà Nguyễn Ngọc Trang - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong các ngày 15 tháng 3 và 12 tháng 4 năm 2022 tại trụ Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 02/2022/TLPT-HNGĐ ngày 17 tháng 01 năm 2022 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 54/2021/HNGĐ-ST ngày 01 tháng 12 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện H bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 04/2022/QĐPT-HNGĐ ngày 18 tháng 12 năm 2022 giữa:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1999 (có mặt).

Địa chỉ: khóm 1, thị trấn Thường Thới T, huyện H, tỉnh Đồng Tháp.

2. Bị đơn: Anh Hồ Phương S, sinh năm 1993 (có mặt).

Địa chỉ: ấp 3, xã Thường P, huyện H, tỉnh Đồng Tháp.

Người kháng cáo bị đơn Hồ Phương S.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tóm tắt nội dung và quyết định của bản án sơ thẩm:

Theo đơn khởi kiện, bản khai, trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa sơ thẩm chị Nguyễn Thị N trình bày: Sau thời gian tìm hiểu, năm 2018 chị và anh S tự nguyện kết hôn, không tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Thường P, huyện H, tỉnh Đồng Tháp cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 11/8/2020. Thời gian đầu sống chung hạnh phúc, sau đó vợ chồng

về sống chung với gia đình anh S thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân bất đồng quan điểm, chị N mâu thuẫn với cha mẹ anh S, anh S xúc phạm cha mẹ chị N, hai bên sui gia mâu thuẫn nhau. Vì vậy, chị N về nhà cha mẹ ruột sinh sống từ tháng 9/2020, vợ chồng sống xa nhau, không gặp nhau để hàn gắn tình cảm. Nay chị N không còn tình cảm với anh S, yêu cầu ly hôn với anh S.

Về nuôi con: Vợ chồng có con chung tên Hồ Hoài T, sinh ngày 04/8/2020, đang sống chung với anh S. Chị yêu cầu được nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản: Vợ chồng không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Vợ chồng không có nợ ai hoặc không ai nợ vợ chồng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Hồ Phương S trình bày: Anh S và chị N tự nguyện tìm hiểu, yêu T nhau khoảng 02 năm, đến năm 2018 cả hai sống chung với nhau, không tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Thường P, huyện H, tỉnh Đồng Tháp cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 11/8/2020. Anh S và chị N làm thuê tại tỉnh Long An, thời gian đầu sống chung hạnh phúc. Sau khi chị N sinh con xong thì về nhà cha mẹ ruột anh sinh sống, thời gian sống chung có xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân bất đồng quan điểm, từ khi không sống chung không gặp nhau hàn gắn. Anh thống nhất ly hôn theo yêu cầu của chị Nguyễn Thị N.

Về nuôi con: Vợ chồng sống chung có con chung tên Hồ Hoài T, sinh ngày 04/8/2020, con chung đang sống chung với anh S. Anh S yêu cầu được nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản: Vợ chồng không có tài sản, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Vợ chồng không có nợ ai hoặc không ai nợ vợ chồng, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 54/2021/HNGĐ-ST ngày 01 tháng 12 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện H đã xử:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 55, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình, Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị N.

Về hôn nhân: Công nhận sự thống nhất thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị N và anh Hồ Phương S.

Về nuôi con: Giao cháu Hồ Hoài T, sinh ngày 04/8/2020 cho chị Nguyễn Thị N trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục, anh S không cấp dưỡng nuôi con do chị N tự nguyện không yêu cầu.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Về chia tài sản: Không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của đương sự theo luật định.

Ngày 10/12/2021 anh Hồ Phương S kháng cáo yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung Hồ Hoài T.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Chị Nguyễn Thị N giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Tháng 9/2020 bé T được 1 tháng 15 ngày do mâu thuẫn vợ chồng và hai bên gia đình, chị N bế con về nhà cha mẹ ruột sinh sống. Tối cùng ngày anh S đến nhà quấy phá, dùng lời lẽ thô tục xúc phạm cha mẹ và dì của chị N nên gia đình có yêu cầu anh S1 công an khu vực giải quyết. Anh S1 phân tích động viên gia đình chị N cho anh S rước cháu T về nhà chơi 01 ngày, anh S đi làm sẽ giao cháu T lại, chị N và cha mẹ tin tưởng vào lời nói của anh S1 nên giao cháu T cho anh S. Anh S nuôi dưỡng cháu T từ đó cho đến nay không giao trả lại cho chị N. Chị N nhiều lần đến nhà anh S đón con thì bị gia đình anh S ngăn cản, chị N gửi đơn và đi đến Công an xã Thường Thới T, Thường P, Viện Kiểm sát nhân dân huyện H nhờ can thiệp buộc anh S giao con cho chị N nhưng chỉ nhận được hướng dẫn khởi kiện đến Tòa án. Thời gian xa nhau chị N muốn hàn gắn tình cảm với anh S, anh S đề nghị chị N viết tờ thỏa thuận giao con cho cha mẹ anh S nuôi dưỡng thì anh S mới đồng ý hòa giải hàn gắn tình cảm vợ chồng với chị N. Sau khi viết tờ thỏa thuận ngày 12/11/2020, anh S không đồng ý hòa giải với chị N nên chị N khởi kiện xin ly hôn, nuôi con. Chị N đang làm việc tại Long An, có chỗ ở, thu nhập ổn định, đủ điều kiện nuôi dưỡng con chung và yêu cầu được nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con.

Anh Hồ Phương S thay đổi một phần yêu cầu kháng cáo, chỉ yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung Hồ Hoài T, ngoài ra không có yêu cầu khác. Tháng 9/2020 cháu T được 1 tháng 15 ngày thì mẹ và dì ruột chị N đến rước chị N và con về nhà. Anh S có đến nhà cha mẹ vợ nhưng chỉ đến đón vợ, con chứ không quấy phá gia đình chị N, anh S1 nói gì với gia đình chị N thì không biết nhưng anh S1 điện thoại kêu anh S đến bế bé T về nuôi dưỡng, thời điểm này bé T đang bú sữa mẹ, anh S không biết phải cho con bú sữa mẹ nên không giao con lại cho chị N và nuôi dưỡng cho đến nay. Anh S đang làm thuê tại thành phố Hồ Chí Minh, mức thu nhập 15.000.000 đồng/tháng, bé T gửi ông T3, bà T4 chăm sóc, mỗi tháng anh về một lần. Anh S biết con dưới 36 tháng tuổi được giao cho

mẹ nuôi dưỡng, anh S yêu cầu chị N viết Tờ thỏa thuận ngày 12/11/2020 giao con cho cha mẹ anh S nuôi dưỡng mới đồng ý hòa giải với chị N. Nay chị N có chồng khác, không đủ điều kiện nuôi con, anh S ngại gặp chồng mới của chị N, sợ con bị ông ngoại bạo hành, anh S yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu T, không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con.

Ông Hồ Văn T3, sinh năm 1965, địa chỉ ấp 3, xã Thường P, huyện H, tỉnh Đồng Tháp là cha ruột anh S trình bày: Thống nhất thời gian chị N và con về nhà cha mẹ ruột. Nguyên nhân mâu thuẫn do gia đình N yêu cầu ông tổ chức lễ cưới nhưng chị N sinh con còn non ngày tháng nên ông nói để từ từ chờ cháu T lớn thêm vài tháng sẽ tổ chức nhưng gia đình chị N không đồng ý. Ngày hôm sau, anh S đón bé T về nuôi dưỡng cho đến nay. Mỗi tháng anh S về thăm con một lần, đưa T cho ông và bà T4 nuôi cháu T. Ông T3 không ngăn cản việc chị N thăm con, có nhờ cháu ruột của ông là bạn chị N nhắn với chị N đến đón con về nuôi nhưng chị N không đến. Do có tờ thỏa thuận ngày 12/11/2020 của chị N, vợ chồng ông mới đồng ý nuôi dưỡng cháu T đến ngày hôm nay. Vợ chồng ông mất thu nhập, bỏ công sức nuôi dưỡng cháu T, ông T3 yêu cầu chị N trả T chi phí, công sức nuôi dưỡng cháu T 200.000.000 đồng. Tại phiên tòa ngày 12/4/2022 ông T3 không yêu cầu giải quyết về chi phí, công sức nuôi dưỡng cháu T, yêu cầu giao con cho anh S nuôi dưỡng.

Bà Diệp Diễm T4, sinh năm 1973, địa chỉ ấp 3, xã Thường P, huyện H, tỉnh Đồng Tháp là mẹ ruột của anh S được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không đến tham gia phiên tòa cung cấp ý kiến.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến N sau:

Về hình thức: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của tố tụng dân sự về thụ lý vụ án, thời hạn chuẩn bị xét xử, thời hạn chuyển hồ sơ cho Viện Kiểm sát nghiên cứu và thủ tục tại phiên tòa. Người tham gia tố tụng đúng, chấp hành đúng nội quy phiên tòa.

Về nội dung kháng cáo: Đơn kháng cáo anh S làm trong hạn luật định nên được xem là hợp lệ. Anh S kháng cáo yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu giải quyết về chi phí nuôi dưỡng con chung. Xét thấy, cháu T chưa đủ 36 tháng tuổi, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, chị N muốn hòa giải với anh S để vợ chồng đoàn tụ nên viết tờ thỏa thuận giao con cho ông bà nội nuôi dưỡng theo yêu cầu của anh S nhưng vợ chồng không đoàn tụ được. Việc thỏa thuận giao con cho ông bà nội nuôi dưỡng là không đúng quy định của pháp luật tại khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình. Tòa án cấp sơ thẩm giao cháu T cho chị N nuôi dưỡng là có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự không chấp nhận kháng cáo của anh S, giữ nguyên bản án sơ thẩm, giao con chung cho chị N nuôi dưỡng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Đơn kháng cáo của anh S làm trong thời hạn luật định, phù hợp với quy định tại Điều 272, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự nên được chấp nhận.

[3] Chị N và anh S đăng ký kết hôn, được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 11/8/2020. Quá trình sống chung vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, không hàn gắn được tình cảm, thỏa thuận thống nhất thuận tình ly hôn là có căn cứ phù hợp quy định tại Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình, về tài sản chung và nợ chung xác định không có. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm công nhận thuận tình ly hôn, về chia tài sản và nợ chung xác định không có được các đương sự thống nhất không có kháng cáo.

[4] Xét kháng cáo của anh S yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung:

[4.1] Chị N và anh S có một con chung tên Hồ Hoài T, sinh ngày 04/8/2020, hiện đang sống chung với anh S, ông T3, bà T4. Chị N, anh S cùng có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy, chị N và anh S có việc làm, thu nhập ổn định đủ điều kiện về kinh tế để nuôi dưỡng con chung. Anh S sinh sống cùng cha mẹ ruột là ông T3, bà T4 và đang làm việc tại thành phố Hồ Chí Minh, không có điều kiện trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung, phải gửi con cho cha mẹ ruột chăm sóc, mỗi tháng về nhà thăm con một lần. Khi anh S đón cháu T về nuôi thì con đang bú sữa mẹ, anh S cũng không biết nuôi con dưới 06 tháng tuổi phải cho con bú sữa mẹ hoàn toàn theo khuyến nghị của các cơ quan y tế nhằm tăng cường sức đề kháng ở trẻ. Đồng thời, anh S biết nếu có tranh chấp về con thì quy định của pháp luật giao con chung dưới 36 tháng tuổi cho mẹ nuôi dưỡng nên anh S yêu cầu chị N viết tờ thỏa thuận ngày 12/11/2020 giao con cho ông T3, bà T4 nuôi dưỡng mới đồng ý hòa giải đoàn tụ với chị N. Sau khi chị N viết thỏa thuận, anh S không hòa giải với chị N được anh S thừa nhận tại phiên tòa, phù hợp với lời trình bày của chị N. Tuy nhiên, việc thỏa thuận giao con chung cho ông, bà nội nuôi dưỡng trong khi chị N, anh S không bị pháp luật hạn chế quyền nuôi con là không đúng quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình nên thỏa thuận này không có giá trị pháp lý. Cháu T chưa đủ 36 tháng tuổi, là con gái, cần có sự quan tâm, chăm sóc giáo dục của mẹ và để đảm bảo sự phát triển bình thường về tâm sinh lý của trẻ cần giao cháu T cho chị N nuôi dưỡng. Hiện nay cháu T đang sống chung với anh S, ông T3, bà T4, con chung gắn liền với quyền nhân thân của cha và mẹ, khi tuyên giao con chung cho cha hoặc mẹ nuôi dưỡng không buộc trách nhiệm, nghĩa vụ của ông T3, bà T4 phải giao nên Tòa án cấp sơ thẩm không đưa ông T3, bà T4 tham gia tố tụng phù hợp. Anh S không chứng minh được chị N không có đủ điều kiện để nuôi dưỡng con chung cũng N có thỏa thuận tự nguyện giao con chung cho anh S nuôi dưỡng. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình giao con chung cho chị N nuôi dưỡng là có căn cứ.

[4.2] Anh S kháng cáo và cung cấp tình tiết chị N có chồng khác không phải là chứng cứ chứng minh chị N không có đủ điều kiện nuôi dưỡng con chung theo quy định pháp luật. Còn ông T3 cung cấp xác nhận của Trưởng ban nhân dân ấp 3 hiện nay cháu T phát triển khỏe mạnh, chăm sóc bé chu đáo, được yêu T, không có một dư luận nào, chị N không đồng ý đoàn tụ với anh S để nuôi dưỡng con chung, bỏ về nhà cha mẹ ruột và quyết định ly hôn với anh S không phù hợp với lời trình bày nêu trên của anh S và chị N. Đồng thời, ông T3 cho rằng có đề nghị giao cháu T cho chị N nuôi dưỡng nhưng chị N không đến đón con về nuôi và đã giao con cho vợ chồng ông nuôi dưỡng. Lời trình bày của ông T3 không được chị N thừa nhận, chị Trần Thị Mỹ K xác nhận cho ông T3 Nng chị K là cháu ruột của ông T3, làm chứng sẽ không khách quan và ông T3 cũng không cung cấp được chứng cứ chứng minh. Do đó, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của anh S, giữ nguyên bản án sơ thẩm về nuôi con.

[5] Tại phiên tòa phúc thẩm, anh S, ông T3 không yêu cầu giải quyết về chi phí nuôi dưỡng con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Xét đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp là có căn cứ nên chấp nhận.

[7] Án phí dân sự phúc thẩm: Anh S phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định.

[8] Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Áp dụng khoản 5 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh Hồ Phương S.

Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 54/2021/HNGĐ-ST ngày 01/12/2021 của Tòa án nhân dân huyện H về nuôi con.

1. Về nuôi con: Giao cháu Hồ Hoài T, sinh ngày 04/8/2020 cho chị Nguyễn Thị N trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục, anh S không cấp dưỡng nuôi con do chị N tự nguyện không yêu cầu.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục

con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

2. Án phí phúc thẩm: Anh S phải chịu 300.000 đồng án phí phúc thẩm Nng được khấu trừ vào số T 300.000 đồng anh S đã nộp tạm ứng án phí theo Biên lai thu số 0003766 ngày 16/12/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Đồng Tháp. Anh S đã nộp xong tiền án phí phúc thẩm.

3. Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND Tỉnh;
- Phòng KTNV&THA;
- TAND H. H;
- Chi cục THADS H.H;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Huỳnh Kim Oanh